**Môn: TIẾNG VIỆT**

**Tiết 96 + 97: Bài 02: LỜI KÊU GỌI TOÀN DÂN TẬP THỂ DỤC (T1+2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài,. Phát ấm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. (*tức là, cả nước, nên làm,...)*

- Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu và theo nghĩa.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Trả lời được các câu hỏi về nội dung bài.

- Hiểu ý nghĩa của bài: Bác Hồ kêu gọi toàn dân tập thể dục để rèn luyện sức khoẻ, xây dựng đất nước.

- Nhận biết được câu khiến.

- Tìm được các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau.

- Phát triển năng lực văn học: Hiểu nội dung và ý nghĩa câu  *Dân cường thì nước thịnh*.

**2. Năng lực chung.**

- Lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài. Tham gia trò chơi, vận dụng, tham gia đọc trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi. Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc. Có ý thức rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khoẻ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV:- Kế hoạch bài dạy.

 - SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

HS: SGK, VBT

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’** | **1. Mở đầu.** |
|  | - GV tổ chức cho HS xoay các khớp cổ tay, cổ chân, tay, vai, lườn, bụng theo nhịp bài hát “Tập thể dục buổi sáng” - GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia - HS lắng nghe. |
| **30’** | **2. Khám phá***.* |
|  | **\* Hoạt động 1: Đọc thành tiếng.**- GV đọc mẫu: Đọc diễn cảm toàn bài. - GV HD đọc: Đọc diễn cảm toàn bài. Giọng rành mạch, rứt khoát. Nhấn giọng ở những từ ngữ nói về tầm quan trọng của sức khỏe, bổn phận phải bồi bổ sức khỏe của mỗi người dân yêu nước.- Gọi 1 HS đọc toàn bài.- GV chia đoạn: (3 đoạn)+ Đoạn 1: Từ đầu đến *cả nước khoẻ mạnh*.+ Đoạn 2: Tiếp theo cho đến *như vậy là sức khoẻ*.+ Đoạn 3: Còn lại- GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.- Luyện đọc từ khó: *tức là, cả nước, nên làm, lưu thông,…*- Luyện đọc câu: *Mỗi một người dân* ***yếu ớt****/ tức là* ***cả nước yếu ớt****,/ mỗi một người* ***dân khỏe mạnh****/ tức là* ***cả nước khỏe mạnh****.//**Vậy nên/* ***luyện tập*** *thể dục, /* ***bồi bổ*** *sức khoẻ/ là* ***bổn phận*** *của mỗi một người dân yêu nước. //*- GV kết hợp cho HS giải nghĩa từ-Đặt câu với từ “bồi bổ”*-* Luyện đọc đoạn: GV tổ chức cho HS luyện đọc đoạn theo nhóm 4.- GV nhận xét các nhóm.**\* Hoạt động 2: Đọc hiểu.**- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt 4 câu hỏi trong sgk. GV nhận xét, tuyên dương. - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.+ Câu 1: Để góp phần làm cho cả nước mạnh khoẻ, mỗi người dân nên làm gì?+ Câu 2: Nếu mỗi người ngày nào cũng tập thể dục thì có lợi ích gì?+ Câu 3: Em hiểu “Dân cường thì nước thịnh.” có nghĩa là gì?+ Câu 4: Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn điều gì?- GV mời HS nêu nội dung bài.- GV Chốt: ***Lời kêu gọi toàn dân tập thể dục là lời kêu gọi giàu sức thuyết phục của Bác Hồ.Từ đó, toàn dân có ý thức luyện tập thể dục, bồi bổ sức khoẻ.***+ Em sẽ làm gì sau khi học xong bài này? | - Hs lắng nghe.- HS lắng nghe cách đọc.- 1 HS đọc toàn bài.- HS quan sát- HS đọc nối tiếp theo đoạn.- HS đọc từ khó.- 2-3 HS đọc câu.- HS tìm hiểu từ mới SGK+ *Bố mẹ em rất chăm lo* ***bồi bổ*** *sức khỏe cho ông bà.*- HS luyện đọc theo nhóm 4.- HS trả lời lần lượt các câu hỏi:+ Để góp phần làm cho cả nước mạnh khoẻ, mỗi người dân nên tập luyện thể dục, bồi bổ sức khoẻ.+ Nếu mỗi người ngày nào cũng tập thể dục thì khí huyết lưu thông, tinh thần đầy đủ; làm được như vậy thì mỗi người đều mạnh khoẻ, đất nước mạnh khoẻ.+ Dân cường thì nước thịnh có nghĩa là: mỗi người dân mạnh khoẻ thì đất nước giàu mạnh, phát triển.+ Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn đồng bào ai cũng gắng tập thể dục.- 1-2 HS nêu nội dung bài theo hiểu biết.- HS đọc lại nội dung bài.+ Em sẽ siêng năng luyện tập thể dục/ Từ nay hàng ngày em sẽ tập thể dục …/ Em sẽ luyện tập để có cơ thể khoẻ mạnh. |
| **30’** | **3. Hoạt động luyện tập** |
|  | - GV yêu cầu HS đọc đề bài bài tập 1-GV giải thích thêm: Câu khiến được dùng để đề nghị hoặc yêu cầu; câu cảm được dùng để khen, chê hoặc thể hiện cảm xúc; câu hỏi được dùng để hỏi.- GV yêu cầu HS làm VBT-> chia sẻ với bạn cùng bàn.- GV đọc từng ý kiến, HS giơ thẻ xanh/ đỏ bày tỏ quan điểm của mình***1. Câu “Tôi mong đồng bào ta ai cũng gắng tập thể dục.”*** ***thuộc kiểu câu nào dưới đây? Chọn ý đúng****a) Câu khiến (để nêu đề nghị).**b) Câu cảm (để bày tỏ cảm xúc).**c) Câu hỏi (để hỏi).*- GV nhận xét tuyên dương.***2. Ghép từ ở cột A với từ ở cột B để được các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau:***- GV yêu cầu HS đọc đề bài và các ý a, b, c.- GV yêu cầu HS làm VBT.- GV mời HS trình bày.- GV mời HS khác nhận xét.- GV nhận xét tuyên dương | - 1-2 HS đọc yêu cầu bài.- HS suy nghĩ,làm VBT-> chia sẻ với bạn-HS giơ thẻ: đồng ý giơ thẻ xanh, không đồng ý giơ thẻ đỏ.*+ Đáp án: Câu “*Tôi mong đồng bào ta ai cũng gắng tập thể dục.” là một lời đề nghị (câu khiến)- 1-2 HS đọc yêu cầu bài và các ý.- HS làm VBT- Một số HS trình bày theo kết quả của mình:1 🡪 c; 2 🡪a; 3 🡪 b- HS khác nhận xét. |
| **4’** | **4. Vận dụng.** |
| **2’** | **-** GV tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào tực tiễn cho học sinh.+ Cho HS chơi trò chơi Ô chữ kì diệu để tìm từ có nghĩa trái ngược với các từ đã cho: chăm chỉ, chậm, cao.**5. Củng cố và nối tiếp**- Nhận xét, tuyên dương- Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS tham gia chơi trò chơi+ Chăm chỉ/ Lười biếng+ Chậm/ Nhanh+ Cao/ Thấp- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

.....................................................................................................................................